

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982.

ĐKHKT: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Chị Phạm Thị Minh N, sinh năm 1984;

ĐKHKT: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị Minh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung: Anh Đ và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Á, sinh ngày 13/07/2005 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 20/03/2010. Cháu Á hiện đã khôn lớn trưởng thành nên anh chị không đề nghị. Còn cháu Đ, hai bên thoả thuận: Giao cháu Nguyễn Quang Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu Đ thành niên.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh Đ và chị N đều không đề nghị giải quyết.

*Về án phí ly hôn: Anh Đ nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003718 ngày 23/01/2024 của chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh Đ số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- THA Dân sự huyện Thanh Thủy;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy